

Chem ChemSitz

	Mo	Di	Mi	Do	Fr
1	RG2D.	T1B.	RG2B.		T1D.
2				T1C.	
3	T2B.			T1C.	T2A.
4					RG1A.
5		T2C.		T1A.	
6				T1A.	
7					
8				T1B	
9					
10					

HHK 31-08-a Ausdruck

Chem ChemSteh

	Mo	Di	Mi	Do	Fr
1					RG3C.
2			RG4B.	RG5D.	
3	RG3A.		RG4A.		RG5D.
4	RG4D.				
5			RG3D.		
6	RG3D.				
7					
8					
9					
10					

HHK 31-08-a Ausdruck